

Số: 7868 /BGDDT-VP  
V/v trả lời chất vấn tại  
kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIII

*Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2011*

Kính gửi: Văn phòng Quốc hội

Thực hiện yêu cầu tại Công văn số 8273/VPCP-TH ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ về việc phân công các thành viên Chính phủ trả lời chất vấn tại Hội trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo xin được trả lời các vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo như sau:

### **1. Chất lượng giáo dục phổ thông**

Từ năm học 2006-2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 33/2006/CT-TTg ngày 08/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, thông qua cuộc vận động “Hai không” của ngành, đã tạo ra những cố gắng cải thiện chất lượng dạy học, góp phần quan trọng từng bước nâng cao chất lượng giáo dục.

Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các địa phương, các cơ sở giáo dục chú trọng các giải pháp: giáo dục ý thức học thực chất vì tương lai của mình và trách nhiệm với xã hội; hỗ trợ học sinh yếu từ đầu năm học, đầu cấp học; vận động 3 đủ; đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá; hướng dẫn dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng; hoàn thiện cơ sở vật chất; Tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực cho nhà giáo và hiệu trưởng các trường phổ thông; Tham mưu đề cấp ủy, chính quyền các địa phương có sự chỉ đạo sát sao cả hệ thống chính trị ở địa phương chung tay với ngành chăm lo cho giáo dục.

Cùng với việc chỉ đạo các địa phương thực hiện nhiều giải pháp như trên, thời gian vừa qua Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức một số hội nghị chuyên ngành như: Hội nghị về hướng dẫn biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương; Hội thảo quản lý đổi mới phương pháp dạy học; Hội nghị kiểm tra đánh giá thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học... Bên cạnh đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã ban hành hướng dẫn dạy học theo chuẩn kiến thức – kỹ năng; Hướng dẫn quy trình biên soạn đề kiểm tra; Hàng năm tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên và tăng cường rà soát nội dung dạy học nhằm điều chỉnh các vấn đề bất hợp lý trong chương trình sách giáo khoa. Bên cạnh đó, Bộ thường xuyên tiến hành kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học, việc thực hiện các nội dung chuyên môn của các môn học. Phong trào thi đua xây dựng “Trường học thân thiện, học sinh tích cực” cũng có tác động rất tích cực về đổi mới phương pháp dạy học, gắn dạy học lý thuyết với thực hành, lý luận với thực tiễn...

Với sự chỉ đạo quyết liệt Bộ Giáo dục và Đào tạo, sự ủng hộ của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân, cùng với sự nỗ lực cố gắng của các cấp quản lý giáo dục, giáo viên và ý thức vươn lên trong học tập của các em học sinh, chất lượng giáo dục đã được từng bước nâng lên, kết quả tốt nghiệp trung học phổ thông đã thay đổi theo chiều hướng tích cực, phản ánh đúng chất lượng giáo dục. Chất lượng ở “vùng trũng”, ở khu vực học sinh yếu kém đã chuyển biến tích cực, cụ thể như sau: Tỷ lệ tốt nghiệp trong kỳ thi năm 2007 chỉ đạt 66,7%; năm 2008: 76,0%, tăng hơn 9% so với năm 2007; năm 2009: 83,8%, tăng 7,8% so với năm 2008; năm 2010: 92,57%, tăng 8,97% so với năm 2009; năm 2011: 95,72%, tăng 3,15% so với năm 2010. Trong đó, số thí sinh tốt nghiệp loại trung bình chiếm đa số (86,17%), chỉ có 13,83% đạt loại khá giỏi và tỷ lệ thí sinh có điểm bình quân bài thi từ trung bình trở lên chỉ đạt 81,36%.

Những chỉ số trên cho thấy sự cố gắng những năm qua nhằm nâng cao kết quả học tập của học sinh mới chủ yếu đạt được nhờ nâng chất lượng học sinh học từ học lực yếu, kém lên mức trung bình, chưa nâng được nhiều chất lượng học sinh khá giỏi.

Xác định rõ trách nhiệm của mình, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã và đang tăng cường chỉ đạo toàn ngành đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, khuyến khích các nhà trường đổi mới phương pháp dạy học tích cực và hiệu quả phù hợp với vùng miền; tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về chất lượng dạy học trong toàn ngành.

Trước mắt, Bộ đã hướng dẫn thực hiện có hiệu quả việc điều chỉnh những bất hợp lý trong chương trình, SGK theo hướng tinh giảm nội dung, dành nhiều cơ hội cho giáo viên được chủ động, sáng tạo trong quá trình dạy học; khắc phục lối dạy học thuần túy đọc - chép; bảo đảm cân đối giữa việc truyền thụ kiến thức và rèn luyện kỹ năng cho học sinh; chú trọng liên hệ thực tế phù hợp với nội dung bài học; chú trọng tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm hợp lý; rèn luyện kỹ năng tự học, tạo điều kiện cho học sinh tự nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu tham khảo; xây dựng hệ thống câu hỏi hợp lý, phù hợp với các đối tượng, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải; bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học. Tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhằm đảm bảo tính linh hoạt về hình thức dạy học, hình thức kiểm tra, đánh giá, rèn luyện kỹ năng sống và kỹ năng hoạt động xã hội của học sinh. Khuyến khích, động viên, khen thưởng kịp thời những giáo viên giỏi, học sinh giỏi đi đôi với việc giúp đỡ, phụ đạo các học sinh yếu, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; Tổ chức có hiệu quả việc ôn tập để học sinh nắm vững nội dung kiến thức và phương pháp học tập, làm bài.

Bên cạnh đó, Bộ tích cực chỉ đạo đổi mới việc kiểm tra, đánh giá cả trong kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì cũng như thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học, cao đẳng theo hướng: Giảm yêu cầu phải nhớ máy móc; tăng yêu cầu thông hiểu, vận dụng kiến thức và kỹ năng.

Cùng với những giải pháp cấp bách đó, về lâu dài, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ nghiên cứu và tiến hành đổi mới chương trình, sách giáo khoa, đổi mới

phương pháp và hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng bồi dưỡng năng lực và thái độ, tình cảm mà học sinh đạt được sau khi học tập; Tăng cường các điều kiện dạy học, phối hợp xây dựng môi trường xã hội thuận lợi cho việc dạy học.

## **2. Về quy hoạch mạng lưới, thành lập, nâng cấp các trường đại học, cao đẳng**

Trong hơn 10 năm qua, hệ thống giáo dục đại học đã từng bước phát triển về loại hình trường và hình thức đào tạo, cung cấp nguồn lao động có trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học phục vụ tích cực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Đến nay, cả nước có 202 trường đại học, 218 trường cao đẳng (bao gồm các trường thành viên trực thuộc các đại học Quốc gia, đại học Vùng, không kể các trường đại học, cao đẳng thuộc khối Quốc phòng - An ninh).

Việc thành lập, nâng cấp các trường đại học, cao đẳng nhìn chung phù hợp với triển khai Quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg ngày 27/7/2007), phù hợp với định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng, từng địa phương; phù hợp với chủ trương của Đảng, nhà nước về khuyến khích xã hội hóa giáo dục, khuyến khích các nhà đầu tư có năng lực về tài chính, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục đầu tư xây dựng các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập và được dựa trên những căn cứ chủ yếu sau đây:

- Luật Giáo dục năm 2005; Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 2-8-2006 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

- Các Nghị quyết của Đảng về phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng thời kỳ 2001-2010 các vùng: Tây Nguyên; Đồng bằng sông Cửu long; Vùng trung du và miền núi Bắc bộ; Bắc trung bộ và duyên hải trung bộ; Đồng bằng sông Hồng; Đông Nam bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía nam;

- Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 các vùng: Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ; vùng kinh tế trọng điểm miền trung; Vùng kinh tế trọng điểm phía nam; Vùng đồng bằng sông Cửu long;

- Tài liệu hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nội dung, phương pháp nghiên cứu lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội thời kỳ 2005-2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Các Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội từng khu vực, từng vùng kinh tế trọng điểm, từng địa phương, một số quy hoạch chuyên ngành của các Bộ, ngành đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

Tiêu chí để xem xét các điều kiện thành lập trường đại học được căn cứ vào Quyết định số 07/2009/QĐ-TTg ngày 15/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện và thủ tục thành lập, chia, tách, sáp nhập trường đại học.

Trong 6 năm qua (2006-2011), đã thành lập 84 trường đại học mới, trong đó 51 trường nâng cấp từ trường cao đẳng và 33 trường thành lập mới, bình quân mỗi năm thành lập 14 trường. Cụ thể: 3 năm đầu (từ năm 2006 đến năm

2008) đã thành lập mới 24 trường và nâng cấp 25 trường, bình quân mỗi năm thành lập 16 trường. Từ năm 2009 đến tháng 7/2011, có 26 trường cao đẳng nâng cấp thành đại học và 09 trường đại học thành lập mới, bình quân mỗi năm thành lập 12 trường. Như vậy, số lượng trường đại học thành lập mới trong 3 năm gần đây đã giảm nhiều so với trước và chủ yếu là nâng cấp từ các trường công lập.

Các điều kiện thành lập trường và cho phép trường đại học hoạt động cũng đã được điều chỉnh theo hướng nâng cao, ví dụ, sau khi các trường được thành lập, nếu đảm bảo các điều kiện, tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị, số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên chuyên ngành theo quy định thì Bộ Giáo dục và Đào tạo mới cho phép hoạt động đào tạo, mở ngành và tuyển sinh. Còn nếu trường được phép thành lập nhưng chưa chuẩn bị đầy đủ các điều kiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo không cho phép hoạt động đào tạo và tuyển sinh, tránh tình trạng các trường vừa được thành lập được phép triển khai hoạt động đào tạo ngay khi chưa đáp ứng đủ các điều kiện, dẫn đến đào tạo chất lượng kém.

Trên cơ sở xem xét các điều kiện về năng lực đào tạo của nhà trường (chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý) và đề xuất chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo căn cứ vào quy hoạch phát triển nguồn nhân lực chung của cả nước để giao chỉ tiêu tuyển sinh cho từng cơ sở đào tạo.

Trong hai năm qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã:

a) Từng bước giảm nhịp độ thành lập trường (năm 2007 thành lập mới 10 trường đại học, 6 trường cao đẳng; năm 2008 thành lập mới 8 trường đại học, 7 trường cao đẳng; năm 2009 thành lập mới 4 trường đại học, 1 trường cao đẳng; năm 2010 thành lập mới 4 trường đại học, 1 trường cao đẳng; năm 2011 thành lập mới 01 trường đại học).

b) Giảm chỉ tiêu tuyển sinh không chính quy (năm 2010, giảm 20% và năm 2011 giảm 40% so với tổng chỉ tiêu tuyển sinh chính quy).

c) Tạm dừng việc mở ngành, chuyên ngành đào tạo cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của các cơ sở đào tạo để xây dựng quy trình mới.

d) Tạm ngừng tuyển sinh 101 chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ ở các trường không đủ điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo.

e) Tạm ngừng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2010 của trường đại học Công nghệ Đông Á và trường đại học Phan Châu Trinh.

Để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã và đang tiến hành một số giải pháp như sau:

a) Rà soát, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng trên phạm vi cả nước.

b) Tiếp tục đổi mới quản lý giáo dục đại học, đẩy mạnh phân cấp, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho cơ sở giáo dục đại học.

c) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục đại học.

d) Ổn định chỉ tiêu tuyển sinh chính quy, tiếp tục giảm chỉ tiêu tuyển sinh không chính quy.

đ) Tăng cường công tác kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

e) Đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu xã hội, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, giữa các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp.

g) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng và thực hiện cam kết thành lập trường; xử lý nghiêm túc các trường vi phạm.

### **3. Về chất lượng tuyển sinh đại học**

Trên cơ sở số liệu thống kê chính thức kết quả tuyển sinh của năm 2010 là 510.000 sinh viên hệ đại học, cao đẳng, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xác định kế hoạch tuyển sinh của năm 2011 là 543.000 chỉ tiêu, tăng 6,47%.

Trên cơ sở kết quả thi đại học toàn quốc, chỉ tiêu tuyển sinh và chính sách ưu tiên theo đối tượng và khu vực, Hội đồng điểm sàn quốc gia đã xác định điểm sàn xét tuyển đại học năm 2011 đối với học sinh phổ thông ở khu vực 3 là 13,0 điểm (khối A, D) và 14,0 điểm (khối B, C) (*giữ nguyên điểm sàn như năm 2010*).

Nếu một trường đại học xác định điểm trúng tuyển bằng điểm sàn thì để trúng tuyển, kết quả thi của thí sinh là học sinh phổ thông ở khu vực 3 (các thành phố trực thuộc Trung ương) phải đạt tối thiểu 13 điểm/3 môn thi (đối với thí sinh dự thi khối A và D), 14 điểm/3 môn thi (đối với thí sinh dự thi khối B và C) và không có môn thi nào bị điểm 0. Nếu 1 học sinh ở vùng điều kiện khó khăn và được hưởng đủ mọi chế độ ưu tiên (dân tộc, địa bàn khó khăn, con thương binh, liệt sỹ...) thì phải đạt 8,0 điểm mới vào được trường đại học.

Hiện nay, một số trường đại học, cao đẳng (cả công lập và ngoài công lập) tuyển sinh không đủ chỉ tiêu được giao, do nhiều nguyên nhân khác nhau:

- Một số ngành cần đào tạo (nông nghiệp, khoa học cơ bản, sư phạm, khoa học xã hội, nhân văn...), do sau tốt nghiệp công việc không hấp dẫn, khó xin việc làm nên không thu hút được sinh viên vào học.

- Một số trường không đủ điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo (cơ sở vật chất đi thuê mượn chật chội, đội ngũ giảng viên thiếu nhiều, chủ yếu thỉnh giảng) do vậy không thu hút được học sinh vào học.

- Nhiều trường có ngành đào tạo giống nhau (như Kế toán, Tài chính - ngân hàng, Quản trị kinh doanh nên chia xẻ số lượng sinh viên vào các trường này.

Mặc dù một số trường đại học kiến nghị hạ điểm sàn xét tuyển để tuyển đủ chỉ tiêu đã xác định, nhưng Bộ Giáo dục và Đào tạo không chấp thuận nói lỏng đầu vào, không vì mục tiêu chạy theo số lượng, mà kiên trì giữ điểm sàn xét tuyển, để bảo đảm chuẩn chất lượng tuyển chọn tối thiểu của các trường đại học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Qua thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh trong kỳ tuyển sinh năm nay, đến thời điểm này, Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa phát hiện trường đại học nào hạ điểm chuẩn xét tuyển thí sinh có kết quả thi quá thấp vào học đại học.

Để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển đất nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục thực hiện các giải pháp sau:

- Xem xét đánh giá lại kết quả, hiệu quả của việc mở trường trong giai đoạn 2001-2010 để đề xuất, kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, điều chỉnh một số mục tiêu, chỉ tiêu (về quy mô sinh viên/vạn dân, quy mô bình quân của trường đại học, cao đẳng; tỷ lệ sinh viên/giảng viên theo nhóm ngành,...), phù hợp Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020 theo định hướng quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu nhân lực của các địa phương.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 296/CT-TTg ngày 27/2/2010 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012.

- Tăng cường công tác kiểm định chất lượng trường đại học, cao đẳng; công tác thanh tra, kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo của các trường theo Nghị quyết số 50/2010/QH12 ngày 19/6/2010 của Quốc hội khóa XII về việc thực hiện chính sách, pháp luật về thành lập trường, đầu tư và đảm bảo chất lượng đào tạo đối với giáo dục đại học.

- Thực hiện việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh của mỗi trường theo các quy định tại Quyết định số 795/QĐ-BGDĐT ngày 27/02/2010, trong đó chỉ căn cứ vào giảng viên cơ hữu, không tính giảng viên thỉnh giảng; Có lộ trình điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh của các cơ sở đào tạo theo các tiêu chí đã công bố.

- Hoàn thiện dự thảo Luật giáo dục đại học để trình Quốc hội thông qua, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho các cơ sở giáo dục Đại học điều chỉnh các hoạt động và phát triển bền vững.

Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ nghiên cứu, đề xuất các chính sách khuyến khích, thu hút đối với người học và sau khi tốt nghiệp những ngành nghề mà nhu cầu xã hội cần, nhưng không thu hút được học sinh, điều chỉnh quy mô tuyển sinh và cơ cấu ngành nghề phù hợp với quy hoạch nguồn nhân lực đối với những ngành, nghề có xu hướng bão hòa, thừa trong tương lai.

Trong công tác chỉ đạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tiếp tục quan tâm, chú trọng đến chất lượng và nâng cao chất lượng đào tạo, xem đây là mục tiêu xuyên suốt trong quá trình đổi mới giáo dục đại học.

#### **4. Về liên kết đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ**

Liên kết đào tạo với nước ngoài là một trong những giải pháp quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học Việt Nam, đưa giáo dục Việt Nam nhanh chóng hội nhập với giáo dục quốc tế và khu vực khi Việt Nam đã gia nhập WTO và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Đến nay, có 364 chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài đang được triển khai tại 63 cơ sở đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo và 05 đại học cấp phép. Các chương trình liên kết này đều được thẩm định kỹ các điều kiện theo quy định.

Tuy nhiên, một số viện, trung tâm và một số cơ sở khác không có chức năng đào tạo, không đáp ứng các điều kiện quy định vẫn tổ chức liên kết đào tạo với nước ngoài trái phép, đã gây bức xúc trong dư luận xã hội và thiệt thòi đối với người học.

Trong hai năm 2010 và 2011, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 27 cơ sở giáo dục đại học, một số viện, trung tâm có liên kết đào tạo với nước ngoài, đã phát hiện và có văn bản yêu cầu một số cơ sở chấn chỉnh các sai phạm, lập hồ sơ xin phép liên kết đào tạo theo đúng quy định; đình chỉ hoạt động của một số chương trình liên kết đào tạo chưa được cấp phép.

Để đảm bảo chất lượng đào tạo của các chương trình liên kết, bảo vệ quyền lợi của người học, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp.

Trong thời gian tới, để quản lý chặt chẽ các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai một số giải pháp sau:

a) Tiếp tục ký công nhận tương đương văn bằng với các nước trong khu vực và trên thế giới.

b) Tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử phạt nghiêm các vi phạm về liên kết đào tạo với nước ngoài.

c) Tăng cường công tác chỉ đạo và phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong công tác quản lý hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài và quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo theo Nghị định 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ.

d) Công khai danh sách các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài được cấp phép trên website của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

e) Tổ chức Hội nghị về liên kết đào tạo với nước ngoài để tổng kết, rút kinh nghiệm 10 năm thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài tại Việt Nam.

g) Trình Chính phủ ban hành Nghị định mới về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại Việt Nam để đảm bảo quy định thống nhất và chặt chẽ về các điều kiện liên kết đào tạo với nước ngoài.

## **5. Vấn đề “chạy trường”**

a) Thực trạng tình hình: Thời gian vừa qua, báo chí có nêu hiện tượng “chạy trường”, “chạy lớp” ở một số đô thị lớn. Đây không phải tình trạng phổ biến ở nhiều địa phương nhưng đã gây bức xúc trong dư luận xã hội.

b) Nguyên nhân

- Chất lượng dịch vụ và giáo dục giữa các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông trên địa bàn trong một quận, huyện, thị xã, thành phố không đồng đều,

trong khi đó tâm lý cha mẹ học sinh muốn con học trường có nhiều dịch vụ phục vụ tốt hoặc chất lượng dạy học tốt để con em họ phát triển tốt hơn.

- Chất lượng giáo dục ở các trường công lập cao hơn so với các trường ngoài công lập vì vậy cha mẹ học sinh có xu hướng bằng mọi cách lo cho con vào trường công.

- Tâm lý khoa cử, mong muốn cho con em được học ở môi trường giáo dục tốt, an toàn, hiệu quả, có thầy, cô giỏi dẫn đến việc chạy trường, chạy lớp.

- Học phí của một số trường ngoài công lập có chất lượng thu cao nên một số gia đình không có điều kiện cho con theo học nên bằng mọi cách lo cho con em vào trường công.

### c) Giải pháp

Để từng bước hạn chế và tiến tới chấm dứt tình trạng “chạy trường”, “chạy lớp”, Bộ GDĐT chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện các giải pháp sau:

(1) Tạo môi trường giáo dục thân thiện, hiệu quả thu hút được học sinh đến học tập.

(2) Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đảm bảo phục vụ hiệu quả cho việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, hiệu quả;

(3) Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuyển sinh đúng quy chế của Bộ.

(4) Đổi mới việc thi, kiểm tra, đánh giá đối với học sinh để giảm áp lực thi cử.

(5) Tăng cường tuyên truyền đối với cha mẹ học sinh, toàn xã hội gạt bỏ tâm lý khoa cử.

(6) Chỉ đạo các địa phương tăng cường quản lý chất lượng giáo dục trong các trường mầm non, phổ thông ngoài công lập, thu hẹp khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa trường công lập và ngoài công lập, giữa các trường trên địa bàn.

## 6. Vấn đề dạy thêm, học thêm

Để quản lý dạy thêm, học thêm, ngày 31/01/2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 03/2007/QĐ-BGDĐT quy định về dạy thêm, học thêm, trong đó quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý dạy thêm học thêm trên địa bàn.

Đến nay, hầu hết các Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định về tổ chức dạy thêm, học thêm trên địa bàn, đồng thời đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện. Tuy nhiên, trên thực tế, tại một số tỉnh, thành phố, hiện tượng dạy thêm, học thêm tràn lan vẫn chưa được khắc phục có hiệu quả. Thực trạng này xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản sau:

- Việc quản lý dạy thêm, học thêm của các cơ sở giáo dục ở một số địa phương còn lỏng lẻo, chưa nghiêm.

- Một số giáo viên còn có tư tưởng vụ lợi trong việc dạy thêm, học thêm.

- Công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân và Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố) đối với việc thực hiện Quyết định số 03/2007/QĐ-BGDĐT về dạy thêm, học thêm chưa thường xuyên, hiệu quả.



- Các vi phạm về dạy thêm, học thêm tràn lan chưa được xử lý kịp thời, nghiêm minh.

Để hạn chế, đi đến chấm dứt việc dạy thêm, học thêm tràn lan và thực hiện nghiêm Quyết định số 03/2007/QĐ-BGDĐT, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã và đang tiến hành các giải pháp sau đây:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong nhân dân và phụ huynh học sinh về các chủ trương của ngành, của địa phương về quản lý dạy thêm, học thêm.

- Chủ động bàn bạc, trao đổi, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo các cấp quản lý, các ngành chức năng đề cao vai trò, trách nhiệm quản lý của Hiệu trưởng, giáo viên chủ nhiệm; mở rộng công tác tham gia giám sát của các đoàn thể ở địa phương và trong nhà trường, của Hội cha mẹ học sinh đối với việc dạy thêm, học thêm, đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm khắc, kịp thời các sai phạm trong việc thực hiện các quy định về dạy thêm, học thêm.

- Tiếp tục chỉ đạo dạy học 2 buổi/ngày đối với các trường phổ thông (theo công văn số 7291/BGDĐT-GDTrH ngày 01/11/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) với mục đích thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục; đáp ứng nhu cầu của gia đình và xã hội trong việc quản lý, giáo dục học sinh.

- Chỉ đạo thực hiện hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông theo hướng tinh giảm (theo công văn 5842/BGDĐT-VP ngày 01/9/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), dành thời lượng để củng cố, hệ thống hóa kiến thức đã học cho học sinh, phụ đạo tại lớp đối với học sinh có học lực yếu kém.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá, cải tiến các công tác thi theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, giảm áp lực về kiểm tra, thi cử cho học sinh.

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất chế độ chính sách cải thiện đời sống của giáo viên.

- Về lâu dài, xây dựng lộ trình thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp dạy học, thi cử theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng.

## **7. Vấn đề thu, chi đầu năm học**

Theo phân cấp quản lý, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm trước Chính phủ về phát triển giáo dục, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục trên địa bàn tỉnh, trong đó có nhiệm vụ quản lý, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước chi cho giáo dục theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; có nhiệm vụ quản lý việc thu, chi học phí, lệ phí và các khoản thu hợp pháp khác của các cơ sở giáo dục và huy động các nguồn lực để phát triển giáo dục địa phương.

Với trách nhiệm là cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành, phối hợp với các Bộ, ngành ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chủ động phối hợp với các địa phương trong việc quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước và các khoản thu hợp pháp khác đối với các cơ sở giáo dục; thực hiện xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển giáo dục; bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trực thuộc theo quy định của pháp luật.

Theo đó, hàng năm, chuẩn bị cho năm học mới, Bộ Giáo dục và Đào tạo đều có văn bản gửi Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố hướng dẫn các nhiệm vụ cần triển khai, trong đó có nhiệm vụ tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn các khoản thu, chi tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn. Đồng thời, Bộ cũng có văn bản gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đề nghị phối hợp, tăng cường các biện pháp chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong các cơ sở giáo dục.

Với sự tham mưu của Sở Giáo dục và Đào tạo, hầu hết Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đã trình và được Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt các khoản thu, mức học phí, lệ phí và đã hướng dẫn các cơ sở giáo dục trên địa bàn triển khai thực hiện. Tuy nhiên, trong thời gian qua, tại một số cơ sở giáo dục (nhất là ở các thành phố lớn) vẫn có tình trạng tự ý thu thêm một số khoản tiền của người học, sử dụng tiền thu không đúng mục đích, không tuân thủ những yêu cầu về công khai, minh bạch trong thu chi, sử dụng các hình thức vận động tự nguyện nhưng tổ chức thu tiền bình quân trên đầu học sinh, gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và xã hội.

Để giải quyết việc này, ngày từ đầu năm học 2011-2012, lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo đã làm việc trực tiếp với lãnh đạo Ủy ban nhân dân và các sở, ban, ngành liên quan của thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh để trao đổi, bàn bạc về thực trạng và thống nhất quan điểm, giải pháp nhằm ngăn chặn và chấm dứt tình trạng lạm thu tại các thành phố này.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện thanh tra công tác tuyển sinh đầu cấp và các khoản thu đầu năm tại: Vĩnh Phúc, Hải Dương, Lạng Sơn, Hà Nội, Hải Phòng; đang chỉ đạo thanh tra tại thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương khác. Trên cơ sở đó, các đoàn thanh tra đã trao đổi rút kinh nghiệm với các địa phương, chỉ đạo các Sở Giáo dục và Đào tạo chấn chỉnh, xử lý kịp thời những sai phạm (nếu có).

Thực tế cho thấy, ở địa phương nào có sự quan tâm vào cuộc quyết liệt của cấp uỷ, chính quyền thì nơi đó không xảy ra tình trạng lạm thu, hoặc nếu đã xảy ra lạm thu thì cũng nhanh chóng được khắc phục. Ví dụ: Tại Đà Nẵng, đã xử lý kỉ luật và điều chuyển công tác đối với hiệu trưởng và giáo viên chủ nhiệm có khuyết điểm trong việc vận động quyên tiền để trang bị ti vi cho lớp, nên tình hình các nhà trường lành mạnh rõ rệt. Hoặc ở Hà Nội, lãnh đạo thành phố đã giao ban với lãnh đạo các quận, huyện, quán triệt và kiểm tra các nhà trường trong việc thu, chi đầu năm học, do vậy nhiều trường đã trả lại phụ huynh các khoản thu sai quy định.

Để tiếp tục chấn chỉnh và chấm dứt tình trạng thu trái quy định của nhà nước trong các cơ sở giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã và đang thực hiện các giải pháp:

- Chỉ đạo các cấp quản lý giáo dục tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý kịp thời, nghiêm khắc các sai phạm, trong đó, xử lý kỷ luật nghiêm khắc với giáo viên và hiệu trưởng ở các cơ sở giáo dục còn để xảy ra tình trạng lạm thu và các sai phạm khác theo thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục đã được quy định tại Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ.

- Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân (theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Đề nghị Ủy ban nhân dân các cấp quan tâm bố trí đủ kinh phí chi thường xuyên, đảm bảo cơ cấu tối đa 80% chi lương và các khoản có tính chất lương và tối thiểu 20% để chi giảng dạy, học tập và quản lý nhà trường theo quy định.

- Dự thảo Thông tư ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (thay thế Điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh ban hành theo Quyết định số 11/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/3/2008), trong đó sẽ quy định cụ thể và rõ hơn trách nhiệm, quyền hạn của Ban đại diện cha mẹ học sinh và các khoản thu mà Ban đại diện cha mẹ học sinh không được vận động quyên góp của phụ huynh học sinh. Hiện nay, dự thảo Thông tư đang được hoàn thiện, dự kiến sẽ ban hành trong tháng 12/2011.

## **8. Vấn đề thiếu trường mầm non công lập**

Trong năm học 2011-2012, cả nước có 12.976 trường mầm non, tăng 265 trường so với năm học trước. Trong đó, trường công lập: 9.742 trường, chiếm tỷ lệ 75,1%; trường ngoài công lập: 3.234 trường, chiếm tỷ lệ 24,9%.

Tổng số phòng học cho Giáo dục Mầm non là 138.843, trong đó có 65.629 phòng học kiên cố (chiếm tỷ lệ 48%). Trong năm học 2010 -2011, cả nước đã xây dựng mới 10.746 phòng học, 3.684 công trình nước sạch và 10.202 bộ, hồ vệ sinh.

Mặc dù số lượng phòng học cho Giáo dục Mầm non đã tăng lên đáng kể, nhưng vẫn thiếu trầm trọng; Cả nước hiện vẫn thiếu 26.886 phòng học (tính theo quy định số lượng trẻ em/lớp của Điều lệ trường mầm non), 34.104 nhà vệ sinh.

Thiếu phòng học là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng quá tải ở các trường mầm non tại các thành phố, đô thị lớn, đặc biệt là thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, sự chênh lệch khá lớn về học phí, chất lượng giáo viên, cơ sở vật chất giữa trường mầm non công lập và tư thục cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng quá tải cho các trường công lập.

Để giải quyết tình trạng thiếu trường, lớp và tình trạng quá tải ở các trường mầm non tại các thành phố, đô thị lớn, Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các địa phương đã và đang tập trung chỉ đạo thực hiện một số vấn đề sau:

- Tích cực tham mưu Chính phủ ban hành cơ chế chính sách phát triển

giáo dục mầm non, phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của từng giai đoạn. Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã chủ động ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về giáo dục mầm non.

- Chỉ đạo và hướng dẫn các Sở giáo dục và đào tạo các tỉnh, thành phố tham mưu với Ủy ban nhân dân các cấp tăng cường rà soát, quy hoạch mạng lưới, quy mô trường, lớp; dành diện tích xây dựng trường mầm non khi phê duyệt thành lập các khu dân cư mới, khu đô thị, khu chế xuất, khu công nghiệp; thúc đẩy tiến độ xây dựng các trường công lập ở những phường, xã chưa có trường mầm non; đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường công lập đang xuống cấp. Đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa các loại hình trường, lớp mầm non, tạo điều kiện về cơ chế, chính sách cho các tổ chức, cá nhân thành lập trường mầm non ngoài công lập ở những nơi điều kiện kinh tế xã hội phát triển.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho các bậc cha mẹ có con trong lứa tuổi mầm non, để họ có thể nuôi dạy con tốt tại gia đình, góp phần giảm tải cho các nhà trường.

- Chỉ đạo các địa phương tăng cường quản lý chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ trong các trường mầm non ngoài công lập, thu hẹp khoảng cách về chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ giữa trường mầm non công lập và ngoài công lập. Thực hiện công khai về tài chính, công khai công tác tuyển sinh, công khai về điều kiện đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất của nhà trường, để người dân có thể lựa chọn các cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện của gia đình và giám sát được hoạt động của nhà trường.

## **9. Về giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục ở các tỉnh miền núi**

Từ nhiều năm nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành tham mưu đề Đảng và Nhà nước ban hành nhiều chính sách hỗ trợ ở vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc và chỉ đạo các địa phương thực hiện nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục như: Đề án Kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008-2012, Đề án Cùng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2011-2015 (*Quyết định số 1640/QĐ-TTg ngày 20/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ*), với mục tiêu tăng cường đầu tư xây dựng ở mỗi tỉnh có ít nhất 1 trường Phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh và một số trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện, trường phổ thông dân tộc bán trú nhằm thu hút được tất cả trẻ trong độ tuổi đến trường; Quyết định ban hành một số chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú, các chính sách ưu tiên cho phát triển giáo dục dân tộc (*Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21/12/2010*); Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên; Quyết định số 2123/QĐ-TTg ngày 22/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010-2015; Thực hiện công bằng trong xã hội và một số chính sách miễn, giảm học phí, cấp học bổng, cho vay đi học.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã chỉ đạo nhiều nhóm giải pháp như tăng thời lượng dạy tiếng Việt, sử dụng tài liệu công nghệ giáo dục, dạy học song ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ, nhân viên hỗ trợ giáo viên, xây dựng môi trường sử dụng tiếng Việt trong dạy học và hoạt động tập thể...

Với những giải pháp trên, giáo dục ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa từng bước phát triển: Số lượng học sinh học ở các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú tăng lên; hầu hết các em học sinh dân tộc nội trú có phẩm chất đạo đức tốt, giữ gìn được bản sắc văn hóa của dân tộc mình, đồng thời tiếp thu các nét đẹp văn hóa ứng xử văn minh, tiên tiến thông qua các hoạt động của nhà trường; chất lượng dạy và học ở các tỉnh miền núi và dân tộc ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, do xuất phát điểm thấp nên chất lượng giáo dục chưa ngang bằng với vùng thuận lợi.

Để từng bước nâng cao chất lượng giáo dục miền núi, vùng dân tộc, Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp lớn như sau:

- Nhiệm vụ trọng tâm: Phát triển giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng dân tộc, bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục; Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với học sinh dân tộc thiểu số, giáo viên công tác ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc; Nâng cao chất lượng giáo dục vùng dân tộc thiểu số.

- Một số giải pháp:

+ Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị cho các trường phổ thông và trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú theo hướng đồng bộ, hiện đại.

+ Thực hiện tốt chính sách ưu đãi, chính sách tín dụng sinh viên, hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số ở những vùng khó khăn; Tiếp tục thực hiện "3 đủ" đối với mỗi học sinh.

+ Chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và giáo viên đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, tăng dần tỷ lệ giáo viên người dân tộc, người địa phương; Thực hiện tốt các chế độ chính sách cho giáo viên, người học vùng dân tộc, miền núi; Có chính sách thỏa đáng thu hút nhà giáo đến làm việc ở vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; Chỉ đạo việc dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, giáo viên công tác ở vùng dân tộc thiểu số; Bảo đảm đủ nhà công vụ cho nhà giáo.

+ Chú trọng chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá để nâng cao chất lượng dạy và học; Thực hiện có hiệu quả việc dạy học tiếng dân tộc thiểu số.

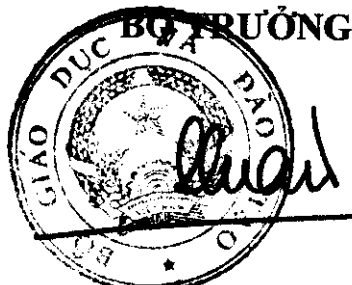
+ Cung cấp miễn phí hoặc giảm giá sách giáo khoa, học phẩm, đồ dùng học tập cho học sinh vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách xã hội.

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thống nhất với Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, cùng các cơ quan hữu quan nghiên cứu đề xuất chính sách đối với giáo dục dân tộc cho phù hợp tình hình mới, trên tinh thần quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI.

Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng báo cáo./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Đoàn Thư kí kì họp thứ 2, QH XIII;
- Lưu: VT, TH.



**Phạm Vũ Luận**